TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST Ngày: 06-8-2026 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo;

2. Ông Nguyễn Hoàng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 223/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bảo T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số A, đường L, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài C, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: 86/10/37, tổ D, khu phố C, phường A, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà trọ Trương Minh B, tổ A, khu phố R, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà T) trình bày:***

Bà Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Hoài C chung sống với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2010, ngày 16/6/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung. Từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Bà Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Hoài C đã không còn sống chung từ cuối năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Hoài C. Do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoài C.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài M, sinh ngày 20/7/2010. Hiện nay con chung đang sống cùng ông Nguyễn Hoài C. Bà T yêu cầu và đồng ý giao cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Hoài M. Bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Lý do bà T yêu cầu ông C nuôi dưỡng con chung là do con chung đang ở, học tập và sinh sống cùng ông C. Ngoài ra, con chung có nguyện vọng sống cùng ông C.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không trình bày gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài C:*** Ông Nguyễn Hoài C đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bảo T nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hoài C.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

- *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, T1, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định củapháp luật tố

tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 11/8/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Bảo T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Hoài C nên đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà T khởi kiện bị đơn ông C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông C hiện đang cư trú tại: Nhà T, tổ A, khu phố R, phường T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà T và ông Nguyễn Hoài C chung sống với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2010, ngày 16/6/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về mâu thuẫn vợ chồng:* Bà T yêu cầu được ly hôn với ông C với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không

còn tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Bà T và ông C đã không còn sống chung từ cuối năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Hoài C, không ai còn yêu thương hay chăm sóc cho nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, ông C được thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án nên xem như ông C đã từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng chứng tỏ ông C không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Căn cứ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Hoài C nhận thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài M, sinh ngày 20/7/2010. Bà T yêu cầu và đồng ý giao cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Hoài M. Bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Hoài M đang sinh sống ổn định cùng ông Nguyễn Hoài C. Đồng thời, cháu Nguyễn Hoài M có nguyện vọng sống cùng ông Nguyễn Hoài C, và bà T đồng ý giao con chung cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, học tập và sinh hoạt của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Hoài M cho ông Nguyễn Hoài C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.4] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Bảo T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài M, sinh ngày 20/7/2010 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà T nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] *Tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 là phù hợp nên Hội đồng xét xử thống nhất.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bảo T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bảo T được ly hôn với ông Nguyễn Hoài C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài M, sinh ngày 20/7/2010 cho ông Nguyễn Hoài C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Bảo T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài M, sinh ngày 20/7/2010 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Bảo T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0055686 ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà T phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự năm 2025, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 34, 36 và 71 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS Khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh) (GCNKH số 74, quyển số 01/2010 ngày 16/6/2010).
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo